

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Huỳnh Thị Sâm**

**2. Bà Phạm Thị Huệ**

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Ông Võ Hữu Lục – Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Ông Thành Thanh P – sinh năm: 1988. (có mặt)*

*- Bị đơn: Bà Trương Thị Xuân T – sinh năm: 1990. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thành Thanh P trình bày:*

Ông và bà Trương Thị Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 06/01/2014, nhưng ông bà đã chung sống với nhau từ năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã X, Ninh Hải, Ninh Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng ông đi làm công nhân ở Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu đến khoảng năm 2018-2019 thì xảy ra mâu thuẫn do

không hợp nhau, không tin tưởng nhau trong chuyện tiền bạc, vợ ông thường xúc phạm ông và cha mẹ ông. Từ tháng 7/2019 đến nay ông, bà mỗi người một nơi không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Thành Ngọc QA – sinh ngày 23/3/2015 và Thành Ngọc Anh Đ – sinh ngày: 28/12/2016. Ông P yêu cầu để các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con. Tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị Xuân T trình bày:* Bà đồng ý với nội dung ông P trình bày về tình trạng hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Bà xác định vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay và tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nhưng bà không đồng ý ly hôn vì muốn các con lớn lên có đủ cha mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho ông P ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng là 2.500.000đ/tháng cho mỗi người con, nếu ông P không đồng ý mức cấp dưỡng này thì bà đồng ý mức cấp dưỡng ông P đưa ra là 1.500.000đ/tháng cho mỗi con. Nợ chung và tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Thành Thanh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Trương Thị Xuân T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải phát biểu:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Thành Thanh P và bà Trương Thị Xuân T đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.*

*Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa.*

*Sau khi Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Thành Thanh P yêu cầu ly hôn đối với bà Trương Thị Xuân T, giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng/ con. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Ninh Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

*Tổng đạt văn bản tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ các đương sự không có ý kiến gì. Bị đơn là bà Trương Thị Xuân T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (BL 43). Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Thành Thanh P và bà Trương Thị Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải ngày 06/01/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, có lời lẽ xúc phạm nhau. Từ tháng 7/2019 đến nay vợ chồng đã sống mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, không hàn gắn được tình cảm. Cả ông P và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà P không đồng ý ly hôn vì mong muốn các con có đủ cha mẹ.

Theo xác nhận của địa phương và biên bản xác minh tại nơi cư trú của ông P, bà T thì vợ chồng P - T đã không còn chung sống với nhau gần 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Các con chung được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường (BL: 44).

Xét thấy: Mặc dù bà T không đồng ý ly hôn vì mong muốn con lớn lên có đủ cả cha mẹ nhưng cả ông P, bà T đều xác nhận vợ chồng đã không tin tưởng nhau, không chung sống với nhau gần 01 năm nay, không còn tình cảm và không thể hàn gắn được mâu thuẫn, ông P không đồng ý về đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

Về con chung: Ông P, bà T đều thống nhất giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Trương Thị Xuân T trực tiếp nuôi 02 con chung là Thành Ngọc QA – sinh ngày 23/3/2015 và Thành Ngọc Anh Đ – sinh ngày: 28/12/2016. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Ông Thành Thanh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thành Thanh P đối với bà Trương Thị Xuân T.

*1. Về hôn nhân:* Ông Thành Thanh P được ly hôn với bà Trương Thị Xuân T.

*2. Về con chung:* Bà Trương Thị Xuân T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi 02 con chung là Thành Ngọc QA – sinh ngày 23/3/2015 và Thành Ngọc Anh Đ – sinh ngày: 28/12/2016. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm ngàn*) đồng/tháng/con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*3. Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**4. Về án phí:** Ông Thành Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0021184 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Ông P còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2020). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã Xuân Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Ngô Thị Trang**